

Số: 10.../2011/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 22 tháng 3 năm 2011

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15/11/2008 của Quốc hội về thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16/01/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16/01/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của UBND huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 07/TTr - STP ngày 21 tháng 3 năm 2011,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Như Điều 2 QĐ;
- Báo Lào Cai;
- Lưu: VT, THCB, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Vịnh**

**QUY ĐỊNH**

**Về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật  
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40../2011/QĐ-UBND ngày 22./ 3./ 2011  
của UBND tỉnh Lào Cai)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuộc tỉnh Lào Cai ban hành.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Các nội dung khác về hoạt động rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Văn bản thuộc đối tượng rà soát, hệ thống hóa**

1. Văn bản quy phạm pháp luật thuộc đối tượng rà soát, hệ thống hoá gồm:

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;
- b) Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai;
- c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Lào Cai;
- d) Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lào Cai;
- đ) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn thuộc tỉnh Lào Cai;
- e) Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Lào Cai.

2. Các văn bản hành chính do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành có chứa đựng qui phạm pháp luật cũng được đưa vào rà soát và kiến nghị xử lý theo qui định của pháp luật.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Rà soát văn bản quy phạm pháp luật* là một hoạt động thường xuyên bao gồm các bước: Tập hợp văn bản quy phạm pháp luật, quy định quy phạm pháp luật theo những phạm vi nhất định, đối chiếu, so sánh những văn bản, quy định này theo những tiêu chí, nguyên tắc cụ thể nhằm tìm ra những quy định chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển của đất nước, của địa phương để xử lý bằng các hình thức thích hợp như sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, đình chỉ việc thi hành, hoặc ban hành văn bản mới.

2. *Hệ thống hóa* là hoạt động định kỳ tập hợp, sắp xếp những văn bản, quy định, chế định đã được rà soát thành từng hệ thống thống nhất, hài hòa về nội dung và hình thức theo yêu cầu sử dụng của từng lĩnh vực, từng ngành hoặc từng cơ quan ban hành văn bản nhằm lập ra và công bố các văn bản quy phạm pháp luật *còn hiệu lực*, hết hiệu lực; trên cơ sở đó định kỳ xuất bản các tập hệ thống hóa *văn bản quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực* thi hành của một lĩnh vực, một ngành hoặc một cơ quan ban hành.

#### **Điều 4. Nguyên tắc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

1. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của các văn bản quy phạm pháp luật.

2. Không bỏ lọt văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình rà soát, hệ thống hóa.

3. Hệ thống hóa theo chuyên đề, lĩnh vực điều chỉnh của pháp luật, theo thẩm quyền ban hành và theo trình tự thời gian.

4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

#### **Điều 5. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được rà soát**

1. Khi tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương đã thay đổi hoặc khi cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản mới làm cho nội dung văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân không còn phù hợp.

2. Khi nhận được thông tin, yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành chứa nội dung có dấu hiệu trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp.

3. Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước cấp trên phục vụ cho việc rà soát theo chuyên đề đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

#### **Điều 6. Trách nhiệm rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành, cơ quan, tổ chức hữu quan cấp tỉnh thực hiện việc rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành. Tập huấn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật cho đội ngũ cán bộ được phân công thực hiện nhiệm vụ rà soát văn bản của các sở, ban, ngành và cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành.

Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp. Hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ rà soát văn bản quy phạm pháp luật cho cán bộ tư pháp - hộ tịch các xã, phường, thị trấn.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành.

Công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp.

### **Điều 7. Hệ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân**

1. Hệ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật và các tài liệu khác theo quy định của Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, được dùng để đối chiếu, rà soát, đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp (về thẩm quyền, nội dung và hình thức, thể thức, kỹ thuật trình bày), tính thống nhất, tính phù hợp của văn bản quy phạm pháp luật là đối tượng rà soát.

2. Các quyết định bãi bỏ, công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực của các cơ quan có thẩm quyền do địa phương ban hành được đưa vào nội dung hệ cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

3. Khi thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép sử dụng Hệ cơ sở dữ liệu do các cơ quan Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, của tỉnh xây dựng phù hợp với nội dung công việc rà soát, hệ thống hóa. Việc sử dụng các văn bản có xác định độ mật phải tuân thủ quy định riêng về chế độ bảo vệ bí mật nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

## Chương II

### RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

**Điều 8. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành**

1. Văn bản quy phạm pháp luật ngay sau khi HĐND, UBND ban hành được gửi đến cơ quan tư pháp cùng cấp để thực hiện việc tự kiểm tra và rà soát thường xuyên theo quy định của pháp luật.

2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải được rà soát hàng tháng, quý, năm, định kỳ, tổng rà soát theo giai đoạn nhằm kịp thời kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ.

4. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực theo yêu cầu của Chính phủ, bộ, ngành trung ương, theo chỉ đạo của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của địa phương.

#### **Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan Tư pháp**

1. Cơ quan tư pháp chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu giúp HĐND, UBND cùng cấp về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo Điều 6 của Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trách nhiệm của cơ quan tư pháp trong rà soát thường xuyên các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cùng cấp ban hành:

a) Mở sổ theo dõi tiếp nhận văn bản quy phạm pháp luật gửi đến để rà soát;

b) Lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND ban hành theo tháng, quý, năm;

c) Thực hiện việc rà soát, đối chiếu các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND ban hành (về thể thức, kỹ thuật trình bày, thẩm quyền, nội dung) với các quy định pháp luật hiện hành. Lập hồ sơ rà soát, xây dựng báo cáo kết quả rà soát;

d) Tổ chức lấy ý kiến tham gia về kết quả rà soát (trong trường hợp cần thiết);

đ) Căn cứ kết quả rà soát, định kỳ 6 (sáu) tháng một lần lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đã hết hiệu lực thi hành để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định công bố;

e) Lưu trữ hồ sơ rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

3. Trách nhiệm của cơ quan tư pháp trong rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, định kỳ, tổng rà soát theo giai đoạn:

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch rà soát hoặc trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật;

b) Thành lập Tổ rà soát hoặc trình Ủy ban nhân dân cùng cấp Quyết định thành lập Tổ rà soát ;

c) Thực hiện việc rà soát, đối chiếu, so sánh các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND ban hành (về thể thức, kỹ thuật trình bày, thẩm quyền, nội dung) với các qui định pháp luật hiện hành; tính thực tiễn của văn bản trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Lập hồ sơ rà soát, xây dựng báo cáo kết quả rà soát;

d) Tổ chức lấy ý kiến tham gia về kết quả rà soát;

đ) Trình HĐND, UBND xử lý kết quả rà soát: ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản, Quyết định công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực; Danh mục văn bản qui phạm pháp luật còn hiệu lực.

e) Lưu trữ hồ sơ rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

### **Điều 10. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến Sở Tư pháp để rà soát. Phối hợp với Sở Tư pháp rà soát các văn bản hành chính do Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh ban hành và lập danh mục văn bản hành chính chứa đựng quy phạm pháp luật báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phiên họp với các cơ quan chuyên môn, tổ chức có liên quan trong trường hợp còn có ý kiến không thống nhất về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

Chỉ đạo Phòng tin học và Công báo cung cấp văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của Sở Tư pháp phục vụ cho công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

3. Trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kết quả rà soát theo hồ sơ trình của Sở Tư pháp hoặc của cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chủ trì rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

### **Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND các huyện, thành phố**

1. Các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp trong việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật hoặc chủ trì rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành.

2. Tham gia ý kiến vào dự thảo báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành theo đề nghị của cơ quan tư pháp

và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp mình, cơ quan quản lý chuyên ngành cấp trên về các ý kiến tham gia.

3. Trường hợp được UBND cùng cấp giao nhiệm vụ chủ trì rà soát văn bản quy phạm pháp luật (theo chuyên đề, lĩnh vực, định kỳ hoặc tổng rà soát thuộc phạm vi quản lý nhà nước chuyên ngành) thì có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp để đồng chủ trì và phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan có liên quan triển khai các hoạt động rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân xử lý kết quả rà soát đồng thời gửi cơ quan tư pháp cùng cấp một bộ để theo dõi và tổng hợp chung.

Quá trình triển khai hoạt động rà soát, cơ quan chủ trì có trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Quy định này.

### **Điều 12. Trách nhiệm của Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai và Văn phòng Ủy ban nhân dân các huyện thuộc tỉnh (gọi chung là Văn phòng UBND cấp huyện)**

1. Phối hợp với Phòng Tư pháp cấp huyện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hành chính có chứa quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Lào Cai, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

2. Phối hợp với Phòng Tư pháp tham mưu trình Chủ tịch UBND cấp huyện công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp huyện ban hành hết hiệu lực thi hành;

3. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định xử lý kết quả rà soát theo thẩm quyền.

### **Điều 13. Quy trình rà soát văn bản quy phạm pháp luật**

Quy trình rà soát văn bản quy phạm pháp luật gồm các bước như sau:

1. Lập kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật.
2. Thu thập, tập hợp và phân loại văn bản quy phạm pháp luật.
3. Thực hiện đối chiếu, rà soát văn bản quy phạm pháp luật với các văn bản pháp lý nguồn.
4. Tổ chức lấy ý kiến tham gia về kết quả rà soát.
5. Lập hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

### **Điều 14. Lập kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, ý kiến chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên, cơ quan Tư pháp hoặc cơ quan được giao chủ trì rà soát ban hành kế hoạch rà soát hoặc trình Ủy ban nhân dân ban hành kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành.

2. Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật gồm các nội dung cơ bản sau:



- a) Mục đích, yêu cầu của việc rà soát;
- b) Phạm vi và đối tượng rà soát;
- c) Thời gian, nội dung triển khai, tiến độ hoàn thành;
- d) Phân công trách nhiệm;

đ) Các biện pháp bảo đảm thực hiện (kinh phí, nguồn nhân lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ rà soát văn bản quy phạm pháp luật).

### **Điều 15. Thành lập Tổ rà soát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Tổ rà soát văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi chung là Tổ rà soát) do thủ trưởng cơ quan tư pháp hoặc thủ trưởng cơ quan được phân công chủ trì rà soát văn bản Quyết định thành lập hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp Quyết định thành lập. Thành phần Tổ rà soát gồm: Lãnh đạo, chuyên viên nghiệp vụ của cơ quan tư pháp, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Tổ trưởng tổ rà soát, tùy theo trường hợp cụ thể, do lãnh đạo cơ quan hoặc trưởng (phó) phòng nghiệp vụ của cơ quan tư pháp hoặc cơ quan chủ trì rà soát kiêm nhiệm.

2. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm cử cán bộ tham gia Tổ rà soát theo đề nghị bằng văn bản của cơ quan chủ trì rà soát, tạo điều kiện cho thành viên tham gia tổ rà soát hoàn thành nhiệm vụ theo phân công.

3. Tổ rà soát có nhiệm vụ thu thập, tập hợp và phân loại văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức việc rà soát văn bản; lập các danh mục văn bản QPPL còn hiệu lực; danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực; danh mục văn bản QPPL cần bãi bỏ; danh mục văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung; danh mục văn bản QPPL cần ban hành mới; xây dựng báo cáo kết quả rà soát, lập hồ sơ kết quả rà soát để báo cáo thủ trưởng cơ quan chủ trì rà soát để tổ chức việc lấy ý kiến tham gia kết quả rà soát; tổng hợp, chỉnh lý kết quả rà soát sau khi lấy ý kiến tham gia; hoàn chỉnh hồ sơ trình thủ trưởng cơ quan chủ trì rà soát để trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

### **Điều 16. Thu thập, tập hợp, phân loại, lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật**

1. Cơ quan tư pháp hoặc cơ quan chủ trì rà soát văn bản có trách nhiệm chỉ đạo việc thu thập, tập hợp, lập danh mục và phân loại văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành đề đưa ra rà soát.

2. Tổ rà soát hoặc cán bộ, chuyên viên được lãnh đạo phân công (trong trường hợp không thành lập tổ rà soát) thực hiện nhiệm vụ thu thập, tập hợp, lập danh mục và phân loại văn bản quy phạm pháp luật là đối tượng rà soát do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành, danh mục các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành là cơ sở pháp lý để phục vụ cho công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

## **Điều 17. Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Sau khi đã lập được danh mục văn bản quy phạm pháp luật là đối tượng rà soát tiến hành việc rà soát, đối chiếu, so sánh từng văn bản với các văn bản pháp lý có liên quan đến nội dung, thể thức kỹ thuật trình bày văn bản để đưa ra nhận xét, đánh giá, kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi của văn bản đó.

2. Thành viên tổ rà soát hoặc cán bộ, chuyên viên được phân công thực hiện việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy trình nghiệp vụ rà soát văn bản quy phạm pháp luật được Giám đốc Sở Tư pháp ban hành.

3. Thư ký Tổ rà soát hoặc cán bộ được phân công tổng hợp chung kết quả rà soát; soạn thảo báo cáo kết quả rà soát, lập các danh mục theo Điều 19 của Quy định này.

4. Tổ rà soát hợp thống nhất kết quả rà soát, lập hồ sơ kết quả rà soát theo nội dung khoản 2 Điều 19 của Quy định này, báo cáo thủ trưởng cơ quan chủ trì rà soát để tổ chức việc lấy ý kiến tham gia kết quả rà soát.

## **Điều 18. Lấy ý kiến tham gia vào dự thảo báo cáo kết quả rà soát văn bản qui phạm pháp luật**

1. Trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xử lý kết quả rà soát, cơ quan chủ trì rà soát có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan để tham gia vào dự thảo báo cáo kết quả rà soát; trong trường hợp cần thiết thì lấy ý kiến tham gia của các chuyên gia là những người có trình độ chuyên môn am hiểu sâu về lý luận, thực tiễn thực hiện pháp luật trong lĩnh vực văn bản điều chỉnh.

2. Việc lấy ý kiến tham gia vào dự thảo báo cáo về kết quả rà soát thông qua các hình thức:

- a) Gửi văn bản đề nghị tham gia ý kiến;
- b) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến tham gia về kết quả rà soát;
- c) Lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

3. Cơ quan chủ trì rà soát gửi văn bản đề nghị tham gia ý kiến đến đối tượng cần lấy ý kiến. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi nhận được văn bản yêu cầu thì có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ tài liệu và gửi ý kiến tham gia bằng văn bản về cơ quan yêu cầu (là cơ quan chủ trì rà soát) trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản, quá thời hạn mà không gửi ý kiến thì coi như đồng ý với kết quả rà soát.

Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ phải lấy ý kiến sớm hơn 10 ngày nêu trên thì cơ quan yêu cầu phải nêu rõ thời hạn lấy ý kiến trong văn bản gửi lấy ý kiến.

4. Trường hợp còn có ý kiến không thống nhất về kết quả rà soát thì cơ quan chủ trì rà soát lập hồ sơ và thống nhất với Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân báo cáo Lãnh đạo Ủy ban nhân dân chủ trì tổ chức phiên họp để xem xét, quyết định.

## **Điều 19. Hồ sơ trình xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Đối với kết quả rà soát văn bản thuộc thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân các cấp: Cơ quan chủ trì rà soát lập hồ sơ kết quả rà soát theo khoản 2 Điều 19 của Quy định này trình UBND để xử lý theo thẩm quyền.

2. Hồ sơ trình xử lý kết quả rà soát gồm:

a) Tờ trình đề nghị xử lý kết quả rà soát văn bản

b) Báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kèm theo các danh mục:

- Tổng danh mục văn bản quy phạm pháp luật đã được đưa ra rà soát,
- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực;
- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực;
- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật đề nghị huỷ bỏ, bãi bỏ;
- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế;
- Danh mục văn bản đề nghị ban hành mới.
- Danh mục văn bản hành chính chứa đựng quy phạm pháp luật đề nghị xử lý (nếu có)

c) Dự thảo quyết định công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực;

d) Biên bản kết quả hội thảo tham gia ý kiến (nếu có);

đ) Các tài liệu khác (văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, văn bản quy phạm pháp luật còn chưa thống nhất ý kiến về kết quả rà soát ...).

3. Đối với kết quả rà soát văn bản thuộc thẩm quyền xử lý của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng nhân dân thành phố Lào Cai:

a) Cơ quan chủ trì rà soát lập hồ sơ kết quả rà soát báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân xử lý theo thẩm quyền.

b) Hồ sơ trình xử lý kết quả rà soát gồm các tài liệu quy định tại các điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều này và dự thảo Nghị quyết bãi bỏ văn bản.

## **Điều 20. Thẩm quyền xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh: Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết trái pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố Lào Cai và của Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn.

2. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Đình chỉ việc thi hành và huỷ bỏ, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của UBND các huyện, thành phố;

b) Đình chỉ thi hành văn bản hoặc một phần văn bản có nội dung trái pháp luật của HĐND cấp huyện.

3. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố Lào Cai: Đình chỉ việc thi hành nghị quyết trái pháp luật của HĐND các xã thuộc thành phố và đề nghị HĐND cùng cấp hủy bỏ hoặc bãi bỏ.

Chủ tịch UBND cấp huyện: Đình chỉ việc thi hành nghị quyết trái pháp luật của HĐND cấp xã và đề nghị HĐND tỉnh hủy bỏ hoặc bãi bỏ.

### **Điều 21. Tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được triển khai theo giai đoạn 10 (mười) năm một lần hoặc theo chỉ đạo của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân ban hành Kế hoạch tổng rà soát của cấp mình. Nội dung kế hoạch theo Điều 14 của Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân quyết định thành lập Ban chỉ đạo tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cấp mình để chỉ đạo triển khai công tác tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành. Ban chỉ đạo tổng rà soát do một đồng chí Lãnh đạo Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban, lãnh đạo cơ quan tư pháp cùng cấp là Phó trưởng ban, các thành viên khác là lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và một số cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân quyết định thành lập Tổ rà soát văn bản quy phạm pháp luật để giúp việc Ban chỉ đạo tổng rà soát. Thành phần, nhiệm vụ của tổ rà soát được quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Quy định này.

5. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo tổng rà soát cùng cấp có trách nhiệm chủ trì việc thực hiện kế hoạch tổng rà soát, đồng thời trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 20 của Quy định này xử lý kết quả tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

## **Chương III**

### **HỆ THỐNG HOÁ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**Điều 22. Định kỳ hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân**

1. Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân thành phố Lào Cai, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Lào Cai ban hành được định kỳ hệ thống hoá theo quy định của pháp luật.

2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được hệ thống hóa định kỳ 05 (năm) năm một lần theo chuyên đề, lĩnh vực.

Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố Lào Cai, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được định kỳ hệ thống hóa phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương.

3. Việc hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trên cơ sở kết quả rà soát định kỳ và tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật của địa phương.

4. Việc hệ thống hoá được thực hiện đối với các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành.

### **Điều 23. Trách nhiệm hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật**

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành.

2. Căn cứ kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực được phân theo chuyên đề, lĩnh vực quản lý để tiến hành hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

### **Điều 24. In tuyển tập văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực**

1. Trên cơ sở kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan tư pháp có trách nhiệm biên tập, in tuyển tập văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thuộc tỉnh Lào Cai ban hành.

2. Tuyển tập văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 26. Xử lý một số vấn đề liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật do HĐND các huyện thuộc tỉnh, HĐND phường thuộc thành phố Lào Cai ban hành trước thời điểm (ngày 01/4/2009) thực hiện Nghị quyết số 725/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16/01/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của UBND huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường**

UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng tư pháp rà soát, thống kê, lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND các huyện, HĐND các phường thuộc thành phố Lào Cai ban hành trước khi Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16/01/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực để xem xét trình cấp có thẩm quyền xử lý, bãi bỏ, công bố hết hiệu lực. Đối với các văn bản xét thấy cần thiết tiếp tục thực hiện thì chỉ đạo xây dựng và ban hành văn bản thay thế để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất và hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật theo luật định.

**Điều 27. Bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân**

1. Kinh phí phục vụ công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của pháp luật và được bố trí hàng năm trong dự toán chi của cơ quan tư pháp các cấp.

2. Hàng năm, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã lập dự toán kinh phí chi cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của cấp mình gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 28. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện quy định này, xây dựng các biểu mẫu trong công tác rà soát (báo cáo rà soát, các loại danh mục, phiếu rà soát...).

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Vịnh**